

Số: 138 /BC-UBND

Châu Thành, ngày 07 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2018; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2021 - 2030

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Khái quát về dân số, dân tộc thiểu số, địa bàn cư trú và phân bố dân cư

Châu Thành là huyện tiếp giáp thành phố Trà Vinh, có diện tích tự nhiên 34.313,52 ha, toàn huyện 39.817 hộ, với 141.090 nhân khẩu, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số 13.375 hộ, với 47.962 nhân khẩu (đồng bào Khmer 13.143 hộ, với 47.409 nhân khẩu, dân tộc khác 232 hộ), chiếm tỷ lệ 33,6% so với tổng số hộ của huyện. Huyện có 13 xã và 1 thị trấn; 108 ấp, khóm, trong đó có 9 xã và 1 thị trấn có đông đồng bào Khmer sống tập trung ở 46 ấp, khóm. Có 17 chùa Phật giáo Nam tông Khmer với 525 vị Chư tăng, trong đó: Hòa thượng 06 vị, Thượng tọa 08 vị, Trụ trì 17 vị, Tỷ khuru 211 vị, Sa di 278 vị. Đời sống của đồng bào Khmer chủ yếu sản xuất nông nghiệp và làm các nghề thủ công truyền thống, một bộ phận làm dịch vụ, mua bán nhỏ và lao động trong các công ty, xí nghiệp trong và ngoài tỉnh,... Đồng bào Khmer có bản sắc văn hóa dân tộc phong phú; có tính cộng đồng cao trong sinh hoạt; đa số đồng bào Khmer theo Phật giáo Nam tông Khmer.

2. Về cơ cấu kinh tế

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI, nhiệm kỳ 2015 - 2020 trong điều kiện nội bộ giữ vững đoàn kết, hệ thống bộ máy tiếp tục được củng cố, kiện toàn. Tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện chuyển biến tích cực, tổng giá trị sản xuất thực hiện đạt và vượt kế hoạch. Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội hàng năm đều tăng và vượt chỉ tiêu. Hệ thống kết cấu hạ tầng được xây dựng và phát triển đồng bộ, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội đã tác động tích cực đến sự phát triển của huyện. Bên cạnh đó, được hưởng lợi chung từ các công trình trọng điểm có tính đột phá chiến lược của tỉnh đã mở ra nhiều cơ hội lớn cho huyện thu hút đầu tư, phát triển sản xuất, mở rộng thị trường, thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đầu tư trong những năm qua đưa vào sử dụng đã làm tăng năng lực sản xuất, phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với xây dựng nông thôn mới.

3. Những chính sách đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số

- Chương trình hành động số 19-CTr/TU ngày 29/8/2012 của Tỉnh ủy Trà Vinh thực hiện Nghị quyết số 15 - Hội Nghị Trung ương 5 (Khóa XI) về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020;

- Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 03/10/2012 của Tỉnh ủy Trà Vinh về công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

- Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 19/10/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa tỉnh Trà Vinh;

- Nghị quyết số 51/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Trà Vinh quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

- Nghị quyết số 18/2013/NQ-HĐND ngày 06/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo (ngoài đối tượng theo Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ) đến năm 2015 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

- Nghị quyết số 35/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về hỗ trợ kinh phí 30% mệnh giá mua thẻ BHYT cho người thuộc hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2020;

Nghị quyết số 69/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về quy định chính sách hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (ngoài đối tượng theo Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ).

*** Đánh giá chung về thuận lợi, khó khăn và triển vọng phát triển của vùng dân tộc thiểu số:**

Tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội của huyện nói chung và trong vùng đồng bào Khmer nói riêng đã có bước phát triển khá; thu nhập bình quân đầu người hiện nay ước đạt 33,82 triệu đồng/người/năm. Hệ thống kết cấu hạ tầng được xây dựng và phát triển đồng bộ, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Có 10/10 xã, thị trấn có đồng bào Khmer có đường ô tô đến được trung tâm cụm xã. Sản xuất nông nghiệp trong vùng có đồng bào Khmer, thực hiện tốt công tác thủy lợi nội đồng. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch lúa chất lượng cao trong vùng đồng bào Khmer được quan tâm. Các công trình, dự án về điện, nước được quan tâm đầu tư phát triển, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân.

Thời tiết, khí hậu diễn biến bất thường, các loại dịch bệnh tiềm ẩn nguy cơ gây bất lợi cho sản xuất. Kết cấu hạ tầng trong vùng đồng bào Khmer chưa được đầu tư đồng bộ. Điểm xuất phát kinh tế thấp, khả năng cạnh tranh yếu, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo của đồng bào Khmer còn cao. Tình hình khiếu kiện, tranh chấp đất đai trong nội bộ còn xảy ra. Một số chính sách trong đồng bào dân tộc chậm triển khai, thực hiện.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016 - 2018

Qua rà soát, đối chiếu lại các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết, nhiều chỉ tiêu và sản phẩm chủ yếu về sản xuất nông nghiệp, thương mại - dịch vụ, giải quyết việc làm, giảm tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ hộ sử dụng điện, công nhận xã văn hóa nông thôn mới, kết quả phổ cập giáo dục, các chỉ tiêu về môi trường, an ninh - quốc phòng và xây dựng Đảng hầu hết đều đạt và vượt kế hoạch.

1. Kết quả thu ngân sách trên địa bàn năm 2016, 2017, 2018; tổng chi ngân sách 2016, 2017, 2018, tỷ lệ cân đối ngân sách từ thu trên địa bàn huyện hàng năm

- Năm 2016:

+ Tổng thu ngân sách nhà nước 497,335 tỷ đồng, trong đó: Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 48,29 tỷ đồng, đạt 104,07% kế hoạch, tăng 2,13% so với cùng kỳ; thu bổ sung ngân sách cấp trên 381,466 tỷ đồng, đạt 119% kế hoạch; thu chuyên nguồn sang năm sau chi 36,365 tỷ đồng; thu kết dư ngân sách 31,214 tỷ đồng.

+ Tổng chi ngân sách 497,335 tỷ đồng, tăng 36,29% so với dự toán, trong đó: Chi ngân sách huyện 400,643 tỷ đồng; chi ngân sách xã 96,692 tỷ đồng; ghi thu - ghi chi 1,400 tỷ đồng. Chi ngân sách tăng cao là do thực hiện chi các khoản bổ sung có mục tiêu như: Chương trình mục tiêu quốc gia; chi bổ sung cho công tác bầu cử; chi đảm bảo xã hội và các chế độ chính sách mới phát sinh trong năm 2016.

- Năm 2017:

+ Tổng thu ngân sách nhà nước 576,260 tỷ đồng, trong đó: Thu nội địa theo dự toán 59,500 tỷ đồng, đạt 109,17% so với dự toán (tăng 14,55% so với cùng kỳ); thu bổ sung từ ngân sách cấp trên 434,791 tỷ đồng; thu chuyên nguồn 42,071 tỷ đồng; thu kết dư ngân sách 32,315 tỷ đồng; ghi thu, ghi chi 7,583 tỷ đồng.

+ Tổng chi ngân sách thực hiện 642,257 tỷ đồng, tăng 45,38% so với dự toán; trong đó: Chi ngân sách huyện 514,807 tỷ đồng; chi ngân sách xã 127,450 tỷ đồng. Chi ngân sách tăng cao là do thực hiện chi các khoản bổ sung có mục tiêu như: Chương trình mục tiêu quốc gia; chi bổ sung cho công tác bầu cử; chi đảm bảo xã hội và các chế độ chính sách mới phát sinh trong năm 2017.

- Năm 2018:

+ Tổng thu ngân sách nhà nước 795,123 tỷ đồng, trong đó thu nội địa theo dự toán 66 tỷ đồng, đạt 108,2% so với dự toán (tăng 7,13% so với cùng kỳ); thu bổ sung từ ngân sách cấp trên 633,638 tỷ đồng; thu kết dư ngân sách 75,101 tỷ đồng; thu chuyên nguồn năm trước 19,337 tỷ đồng; ghi thu - ghi chi 1,047 tỷ đồng.

+ Tổng chi ngân sách thực hiện 710,658 tỷ đồng, đạt 146,03% so dự toán. Chi ngân sách tăng là do thực hiện chi các khoản bổ sung có mục tiêu như: chi đảm bảo xã hội và các chế độ chính sách mới phát sinh trong năm 2018, tăng lương, hoạt động áp, khóm,....

2. Kết quả thu hút đầu tư vào địa bàn toàn huyện; trong đó, đầu tư vào địa bàn các xã khu vực III, địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

- Từ nguồn vốn ưu đãi từ các chương trình, dự án đã giải ngân cho vay 14.482 lượt hộ, với số tiền 166.761 triệu đồng, trong đó: đã giải ngân cho 2.055 lượt hộ nghèo, với số tiền 31.658 triệu đồng; giải ngân cho 1.568 lượt hộ cận nghèo, với số tiền 22.853 triệu đồng; giải ngân 3.193 lượt hộ thoát nghèo, với số tiền 42.456 triệu đồng; giải ngân cho học sinh, sinh viên 394 lượt hộ, với số tiền 6.066 triệu đồng; giải ngân nguồn vốn nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn cho 4.476 lượt hộ, với số tiền 28.032 triệu đồng; giải ngân vốn giải quyết việc làm cho 365 lượt hộ, với số tiền 4.780 triệu đồng; giải ngân cho vay vốn hỗ trợ xuất khẩu lao động 33 lượt hộ, với số tiền 1.659 triệu đồng; giải ngân cho vay hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn 2.375 lượt hộ, với số tiền 28.541 triệu đồng; giải ngân cho thương nhân vùng khó khăn 23 lượt hộ với số tiền 716 triệu đồng.

Từ nguồn vốn ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội đã tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo có nguồn vốn phát triển sản xuất, chăn nuôi, trồng trọt phát triển kinh tế gia đình, thoát nghèo bền vững. Bên cạnh đó, nguồn vốn vay cho hộ nghèo theo danh sách dự kiến thoát nghèo hàng năm còn thiếu so với nhu cầu của hộ dân, phần nào cũng ảnh hưởng đến kế hoạch giảm nghèo hàng năm đã đề ra.

- Thực hiện Chương trình 135 các xã, ấp, khóm đặc biệt khó khăn:

+ Từ nguồn vốn phân bổ của Trung ương năm 2016-2018, huyện tổ chức triển khai đầu tư 30 hạng mục, công trình kết cấu hạ tầng thuộc các xã, ấp đặc biệt khó khăn với tổng nguồn vốn đầu tư 17.868 triệu đồng.

+ Triển khai duy tu bảo dưỡng 14 công trình xuống cấp với kinh phí 1.080 triệu trong năm 2016 - 2018.

+ Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo: Xây dựng 28 phương án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và 01 mô hình nhân rộng giảm nghèo cho 470 hộ nghèo được hưởng lợi từ việc chăn nuôi bò sinh sản, nuôi gà và trồng màu, tổng nguồn vốn chung 6.435 triệu đồng. Ngoài ra, được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đầu tư 06 Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo cho 106 hộ tham gia, trong đó: 83 hộ nghèo, 20 hộ cận nghèo, 03 hộ mới thoát nghèo tham gia mô hình, tổng kinh phí đầu tư 1.263 triệu đồng tại các xã Nguyệt Hóa, Hòa Thuận, Lương Hòa A, Phước Hảo, Đa Lộc, Mỹ Chánh. Qua đầu tư dự án, đã tạo điều kiện hỗ trợ chuyển giao khoa học kỹ thuật, trong sản xuất, chăn nuôi, trồng trọt nhằm phát triển kinh tế hộ gia đình. Từ năm 2016-2018, đã giúp cho 13 thoát nghèo bền vững, 18 hộ nghèo thoát qua cận nghèo. Riêng các xã: Đa Lộc, Mỹ Chánh, Phước Hảo có 46 hộ được đầu tư trong năm 2018 nên chưa đánh giá được hiệu quả.

- Chính sách miễn giảm học phí cho sinh viên, học sinh:

Hỗ trợ 9.799 triệu đồng cho 10.365 lượt học sinh, sinh viên Khmer được hưởng lợi theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020-2021 và Quyết định số 239/2010/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 của Thủ

tướng Chính phủ; Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non với 5.337 lượt trẻ, số tiền 3.078 triệu đồng. Qua thực hiện chính sách hỗ trợ đã giúp cho học sinh thuộc hộ nghèo trong độ tuổi đi học có điều kiện đến trường, hạn chế tình trạng trẻ em trong độ tuổi đi học phải bỏ học do không có tiền đóng học phí. Về tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn theo học tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp theo Quyết định 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ, đã hỗ trợ 394 lượt học sinh, sinh viên vay, số tiền 6.066 triệu đồng.

Chi trả kịp thời các chế độ, chính sách cho học sinh theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của Bộ trưởng: Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện chế độ đối với học sinh theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ về chính sách miễn giảm, hỗ trợ chi phí học tập và hỗ trợ gạo theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn, kết quả học sinh dân tộc trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn được giảm học phí 70%.

- Chính sách trợ giúp pháp lý:

Thông qua việc trợ giúp pháp lý cho đối tượng thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ, qua đó giúp cho hộ nghèo, người dân tộc thiểu số am hiểu, nhận thức rõ hơn về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là những vấn đề có liên quan đến chính sách đối với người nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội, kết quả đã tổ chức tuyên truyền chính sách pháp luật được 20 cuộc, có 823 lượt người tham dự, có 236 ý kiến người dân trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội như đất đai, hộ tịch, và một số chính sách liên quan khác....

Tổ chức triển khai Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2019-2021” đến các ngành và xã, thị trấn có liên quan (*huyện chưa thực hiện việc cung cấp ấn phẩm, tạp chí*).

- Chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm:

+ Về đào tạo nghề: Thực hiện nguồn vốn Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn và từ các nguồn vốn của chương trình, dự án khác, từ năm 2016 - 2018 đã tổ chức được 259 lớp, có 9.094 lao động được đào tạo, trong đó: đào tạo nghề theo Đề án 1956 được 28 lớp có 801 lao động, tổng kinh phí đào tạo nghề 1.267 triệu đồng, còn lại đào tạo nghề theo dự án khác, số lao động sau học nghề đã có việc làm hoặc tự tạo được việc làm đạt trên 70%.

+ Về giải quyết việc làm: Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, công tác tuyên truyền, tư vấn giới thiệu việc làm, đã có 32.955 lao động đi làm việc trong, ngoài tỉnh; trong đó: giải quyết việc làm mới 15.828 lao động, thông qua Quỹ vay vốn về việc làm 365 lượt lao động vay vốn với số tiền 4.780 triệu đồng. Giải quyết việc làm thông qua xuất khẩu lao động, có 98 lao động đi làm việc có thời

hạn ở nước ngoài như: Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc ...qua đó đã giải quyết cho vay vốn xuất khẩu lao động được 33 lượt lao động, với số tiền 1.659 triệu đồng.

- Thực hiện chính sách khuyến nông, khuyến ngư, khuyến công:

Ứng dụng các mô hình tiên bộ kỹ thuật và mô hình khảo nghiệm trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản 17 mô hình từ nguồn vốn sự nghiệp nông nghiệp đơn vị, vốn Khuyến nông, vốn Dự án AMD, trong đó: Vốn sự nghiệp nông nghiệp đơn vị đầu tư 07 mô hình; vốn Khuyến nông tỉnh đầu tư 05 mô hình; vốn Dự án AMD đầu tư 03 mô hình.

Công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật được tổ chức thường xuyên, phương pháp ngày càng đổi mới tăng tính sinh động và sát thực tế. Hàng năm đều thực hiện công tác tổ chức lại sản xuất gắn với chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, an toàn thực phẩm, đã tổ chức 391 cuộc với 10.462 lượt nông dân tham gia.

Chính sách hỗ trợ giống để khôi phục sản xuất do thiên tai xâm nhập mặn gây ra, diện tích được hỗ trợ 7.069,53 ha lúa, số hộ 10.260 hộ, tổng số tiền 10.767,440 triệu đồng; chính sách hỗ trợ sản xuất cho vùng lúa chất lượng cao diện tích là 6.874 ha, với số tiền 3.397,161 triệu đồng, đã hỗ trợ cho 4.901 hộ, số lượng giống 2.677.406 kg; chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg giải ngân 3.405 triệu đồng, hỗ trợ đầu tư 807 công trình khí sinh học, 22 bình nitơ, đào tạo 20 dẫn tinh viên. Trong năm 2018, tiếp tục triển khai hỗ trợ 15 hộ mua bò giống, 05 hộ mua heo đực giống, 04 hộ mua gà giống, 03 hộ mua vịt giống và 317 công trình khí sinh học. Chính sách hỗ trợ giống cây trồng để chuyển đổi từ đất trồng lúa sang trồng màu theo Quyết định 580/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đầu tư cho 672 hộ, kinh phí 321,360 triệu đồng; chính sách hỗ trợ về xây dựng và phát triển tổ hợp tác sản xuất trên biển tỉnh giai đoạn 2015 - 2017 theo Quyết định số 24/2015/QĐ-UBND, hỗ trợ 09 bộ máy thông tin liên lạc tầm xa tích hợp định vị VX, 72 phao tròn và 180 phao áo với số tiền 282,060 triệu đồng; chính sách tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh đã giải ngân 84,215 triệu đồng, hỗ trợ xây dựng cửa hàng rau an toàn và chuyển đổi từ đất lúa kém hiệu quả sang trồng màu; chính sách hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ, đầu tư cho xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi nội đồng, giao thông nông thôn phục vụ sản xuất lúa, tổng kinh phí đầu tư 35.062 triệu đồng.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ, kết quả năm 2016 - 2018 đã giải ngân cho 12.361 lượt hộ, với 47.309 nhân khẩu, tổng số tiền 4.349 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

3. Hiện trạng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội

- Giao thông được đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng tuyến huyện, xã, đường liên ấp, khóm với tổng kế hoạch vốn 196.131 triệu đồng, bố trí đầu tư xây dựng 167 hạng mục, công trình (trong đó, có 136 công trình khởi công mới), nghiệm thu, đưa vào sử dụng, giải ngân đạt 96,8% kế hoạch vốn. Có 10/10 xã, thị trấn đồng đồng bào dân tộc Khmer có đường ô tô đến trung tâm cụm xã, đã tạo điều kiện thuận lợi

cho việc đi lại, giao thương hàng hóa. Hạ tầng y tế, giáo dục, bưu chính viễn thông tiếp tục được đầu tư đáp ứng nhu cầu phát triển, sản xuất, sinh hoạt, đời sống của người dân nói chung, đồng bào dân tộc Khmer nói riêng.

- Phát triển trường lớp, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy được quan tâm đầu tư, cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy và học; phòng học kiên cố và bán kiên cố đạt 100%; xây dựng 13 trường đạt chuẩn quốc gia (có 7 trường trong vùng đồng bào Khmer). Sự nghiệp giáo dục và đào tạo tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực; toàn huyện có 320/1.373 giáo viên Khmer, chiếm 23,3% so với tổng số giáo viên; 10/10 xã, thị trấn có đồng đồng bào Khmer có Trường Mẫu giáo và Trung tâm học tập cộng đồng hoạt động ổn định; chất lượng dạy và học của Trường Phổ thông Dân tộc nội trú - Trung học cơ sở được nâng lên.

- Về Y tế, có 12/14 Trạm Y tế xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn Quốc gia về y tế, đạt 85,71% (vùng có đồng đồng bào Khmer có 9/10 Trạm Y tế đạt chuẩn); toàn huyện có 228 cán bộ y tế; trong đó cán bộ y tế người dân tộc Khmer 75 người, chiếm 32,89% (có 14 bác sĩ). Các Trạm Y tế và Phòng khám Đa khoa khu vực các xã, thị trấn đã làm tốt công tác khám và chữa bệnh cho Nhân dân, bảo hiểm y tế được mở rộng, chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên rõ rệt; các chương trình y tế quốc gia, phòng, chống dịch bệnh, kế hoạch hóa gia đình được triển khai thực hiện rộng khắp, từ đó trên địa bàn huyện không xảy ra các loại dịch bệnh nguy hiểm ở người. Thực hiện chính sách mua bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ dân tộc thiểu số đang sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn đạt 100%. Qua đó góp phần nâng tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện đạt 99,02%.

- Trụ sở làm việc của 09 xã và 01 thị trấn vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xây dựng cơ bản, các nhà văn hóa ấp, khóm được xây dựng theo hướng đạt chuẩn nông thôn mới.

- Thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, gắn với xây dựng nông thôn mới trong vùng đồng bào Khmer, hiện có 46 ấp, khóm và 04 xã văn hóa nông thôn mới, 01 thị trấn đạt đô thị văn minh; 86 cơ quan, 45 trường học, 05 chợ văn minh và 12/17 chùa Phật giáo Nam tông Khmer được công nhận cơ sở thờ tự văn minh. Đặc biệt, trong năm 2018 được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định cấp Bằng công nhận khu di tích Khảo cổ Bờ Lũy chùa Lò Gạch (Kom Pong Thmo), ấp Ba Se A, xã Lương Hòa.

- Các công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, nước sạch, đường điện,... tiếp tục được đầu tư đáp ứng nhu cầu phát triển.

4. Đời sống người dân

4.1. Đời sống nhân dân được nâng lên, thu nhập bình quân đầu người đạt 33,82 triệu đồng/người/năm. Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo:

- Năm 2016, có 5.636 hộ, chiếm 14,40%; trong đó, số hộ nghèo thuộc hộ dân tộc thiểu số 3.210 hộ, chiếm 24,86% so với hộ dân tộc thiểu số trên địa huyện. Hộ cận nghèo 3.283 hộ, chiếm 8,39%; trong đó, hộ cận nghèo thuộc hộ dân tộc thiểu số 1.616 hộ, chiếm 12,50% so với số hộ dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện (giảm 502 hộ nghèo, tỉ lệ 1,62%).

- Năm 2017, có 4.203 hộ nghèo, chiếm 10,64%; trong đó, số hộ nghèo thuộc hộ dân tộc thiểu 2.383 hộ, chiếm 18,34% so với tổng số hộ dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện. Hộ cận nghèo 3.694 hộ, chiếm 9,35%; trong đó, số hộ thuộc hộ dân tộc thiểu số 1.693 hộ, chiếm 13,03% so với số hộ dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện (giảm 1.433 hộ nghèo, tỉ lệ 3,77%).

- Năm 2018, có 2.967 hộ nghèo, chiếm 7,45%; trong đó, số hộ nghèo thuộc hộ dân tộc thiểu 1.772 hộ, chiếm 13,25% so với tổng số hộ dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện. Hộ cận nghèo 3.729 hộ, chiếm 9,37%; trong đó, số hộ thuộc hộ dân tộc thiểu số 1.932 hộ, chiếm 14,14% so với số hộ dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện, (giảm 1.236 hộ nghèo, tỉ lệ 2,94%).

Kết quả 2 năm (2016 - 2018), hộ nghèo giảm 2.961 hộ, tỷ lệ giảm 7,94%, bình quân giảm 987 hộ/năm, tỷ lệ giảm 2,6%/năm, vượt 0,6% so với Nghị quyết đề ra là 2%/năm. Riêng trong đồng bào dân tộc thiểu số bình quân giảm hộ nghèo 3,68%/năm, tương đương 682 hộ, vượt 0,68% so với Nghị quyết đề ra là 3%/năm.

4.2. Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện lưới, được sử dụng nước sạch, có bao nhiêu phương tiện nghe nhìn, có bảo hiểm y tế:

- Tiếp tục phát triển mới các đường dây trung, hạ thế và trạm biến áp trên địa bàn các xã, thị trấn có đông đồng bào dân tộc. Đến nay có 38.938 hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn, đạt 99,5%; trong đó, có 12.172 hộ dân tộc Khmer được sử dụng điện thường xuyên, an toàn, đạt 97,54%. Thực hiện hỗ trợ giá điện theo quy định tại Quyết định số 28/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ chi hỗ trợ tiền điện cho đối tượng thuộc hộ nghèo và Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội. Năm 2016 - 2018, đã hỗ trợ tiền điện cho 56.078 lượt hộ nghèo với kinh phí hỗ trợ 8.334 triệu đồng.

- Thực hiện Quyết định số 755/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ, hỗ trợ 2.045 hộ nhận bồn nhựa, 22 hộ khoan giếng nước, đầu nối hệ thống cấp nước 396 hộ và khác 03 hộ, với kinh phí đầu tư 3.275 triệu đồng. Có 12.981/13.375 hộ dân tộc Khmer sử dụng nước hợp vệ sinh, đạt 97,05% so với hộ dân tộc Khmer trong huyện.

- 100% hộ gia đình có phương tiện nghe nhìn.

- Năm 2016 - 2018 đã chuyển Bảo hiểm xã hội in, cấp phát 325.299 thẻ bảo hiểm y tế, tổng kinh phí 170.712 triệu đồng, trong đó: cấp 39.572 thẻ cho người thuộc hộ nghèo thu nhập với kinh phí 23.609 triệu đồng; 238 thẻ cho hộ nghèo thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản khác với 121 triệu đồng; 7.231 thẻ cho người thuộc hộ cận nghèo theo Quyết định số 705/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ với 4.346 triệu đồng; 9.121 thẻ cho người thuộc hộ cận nghèo theo Quyết định số 797/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ với số tiền 5.486 triệu đồng; 71.331 thẻ cho người dân tộc thiểu với số tiền 26.020 triệu đồng; 127.677 thẻ người dân đang sống tại ấp, khóm, xã đặc biệt khó khăn với 72.943 triệu đồng; 63.386 thẻ người dân đang sống tại xã đảo với số tiền 36.053 triệu đồng; 6.743 thẻ người dân đang sống tại xã bãi ngang ven biển với số tiền 2.134 triệu đồng.

4.3. Số nhà dột nát, thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cần phải hỗ trợ:

- Thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn hộ nghèo giai đoạn 2011-2015, qua rà soát có 1.982 hộ được phê duyệt, trong đó có 1.744 hộ đủ điều kiện hỗ trợ, đến nay đã hỗ trợ xây dựng 727 căn (trong đó có 466 căn hộ dân tộc Khmer), nguồn vốn hỗ trợ 18.175 triệu đồng. Từ đó, giúp cho hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, già yếu, đơn thân, tàn tật, người dân tộc thiểu số có nhà ở vững chắc, yên tâm lao động sản xuất, kinh doanh. Tổng số hộ khó khăn về nhà ở hiện nay còn lại 851 hộ, trong đó có 601 hộ dân tộc Khmer.

- Thực hiện Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 - 2015 (đợt 2), đến nay đã giải ngân cho 153 hộ nghèo được hưởng lợi về đất ở với số tiền 5.016 triệu đồng. Hoàn thành phương án giao đất, thu hồi đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ được hưởng lợi theo quy định.

- Thực hiện Quyết định số 2085/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020, phê duyệt kết quả rà soát nhu cầu hưởng lợi có 11 hộ nghèo có nhu cầu hưởng lợi về đất ở, 01 hộ thiếu đất sản xuất, 1.654 hộ có nhu cầu vay vốn chuyên đổi nghề và 1.156 hộ có nhu cầu hưởng lợi về nước sinh hoạt. Năm 2018, huyện đã tổ chức giải ngân cho 161 hộ hưởng lợi với số tiền 4.830 triệu đồng.

- Thực hiện Nghị quyết số 69/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh Trà Vinh về Quy định chính sách hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (ngoài đối tượng theo Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ), huyện đã rà soát, lập danh sách 98 hộ nghèo đề nghị tỉnh hỗ trợ đất ở, trong đó có 08 hộ nghèo dân tộc Khmer.

- Thực hiện Quyết định số 755/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ, đã hỗ trợ 2.045 hộ nhận bồn nhựa, 22 hộ khoan giếng nước, đầu nối hệ thống cấp nước 396 hộ và khác 03 hộ với kinh phí đầu tư 3.275 triệu đồng. Có 12.981/13.375 hộ dân tộc Khmer sử dụng nước hợp vệ sinh, đạt 97,05% so với hộ dân tộc Khmer trong huyện (còn lại 394 hộ chưa sử dụng nước hợp vệ sinh).

4.4. Công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe Nhân dân vùng đồng bào dân tộc Khmer ngày càng được quan tâm hơn. Toàn huyện có 18 cơ sở khám, chữa bệnh; có 155 giường bệnh; chất lượng hoạt động mạng lưới y tế cơ sở có nhiều chuyển biến, đạt tỷ lệ 4 bác sỹ/10.000 dân, tỷ lệ giường bệnh đạt 39,9/10.000 dân. Có 10/10 trạm y tế, Phòng khám Đa khoa khu vực vùng đồng bào dân tộc Khmer có bác sỹ, đạt 100%. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, chiếm 8,29%, số cặp người dân tộc tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống không còn.

4.5. Đánh giá tình hình đời sống Nhân dân, nhất là hộ dân tộc thiểu số; những thách thức đặt ra trong thực tiễn, khoảng cách về mức sống giữa các miền, vùng, giữa các dân tộc trong huyện, nhất là nhóm dân tộc ít người:

- Hiệu quả mang lại từ những chính sách được đầu tư, hỗ trợ trong những năm qua tác động rất lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện, góp phần thực hiện tốt các mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới.

- Các chính sách được triển khai mang tính đồng bộ trên nhiều lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, giáo dục, y tế, quốc phòng, an ninh...tạo điều kiện cho người dân, hộ nghèo, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số phát triển toàn diện về mọi mặt, từng bước rút ngắn sự chênh lệch về khoảng cách về kinh tế và đời sống.

- Nguồn vốn được đầu tư, hỗ trợ cơ bản đáp ứng được nhu cầu giải quyết tình thế cấp thiết trước mắt, khắc phục tình trạng thiếu thốn về cơ sở vật chất, hạ tầng kinh tế, kỹ thuật, các thiết chế kinh tế - xã hội.

- Các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc luôn được các ngành, các cấp quan tâm, bảo tồn và phát huy. Phong trào văn nghệ quần chúng được khôi phục và phát triển.

5. Nguồn nhân lực, cơ cấu, chất lượng cán bộ, công chức viên chức, số lượng cơ cấu cấp ủy, Đại biểu hội đồng nhân dân các cấp:

Thực hiện Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020; Kế hoạch của Tỉnh ủy về tạo nguồn cán bộ nữ, dân tộc; Quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong tình hình mới. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý là người Khmer luôn được các cấp ủy quan tâm; cơ bản cán bộ chủ chốt người dân tộc ở các phòng, ban, ngành huyện và xã, thị trấn từng bước bảo đảm tỷ lệ, cơ cấu theo quy định. Ưu tiên tạo điều kiện cho con, em người Khmer, nhất là những sinh viên mới ra trường được tiếp nhận vào làm việc ở các ngành, các cấp nhằm phát huy năng lực, trí tuệ của thế hệ trẻ người Khmer và tạo nguồn cho cán bộ kế thừa. Số cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc Khmer 22/158 người, chiếm tỷ lệ 13,92% so với tổng số cán bộ, công chức, viên chức của huyện trong tổng biên chế được giao, đạt 69,6% so Đề án kèm theo Quyết định 402/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2016-2018. Việc điều động, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ người Khmer luôn được chú trọng, quan tâm sắp xếp, bố trí 04 người dân tộc Khmer giữ chức danh chủ chốt ở một số địa phương có đông đồng bào dân tộc Khmer và một số ngành huyện. Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2015 - 2020, số cán bộ người Khmer được bầu vào cấp ủy huyện 07 người, chiếm 15,5%, tăng 04 người so với nhiệm kỳ trước. Trong đó, có 02 Ủy viên Ban Thường vụ (01 Phó Bí thư thường trực Huyện ủy và 01 Phó Chủ tịch HĐND huyện) và 05 Huyện ủy viên (01 Phó Chủ tịch UBND huyện, 01 Trưởng phòng huyện, 03 Bí thư Đảng ủy xã); cấp ủy cơ sở có 48 đồng chí, tăng 12 người. Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện nhiệm kỳ 2016 - 2021 có 08/39 đại biểu người dân tộc Khmer, chiếm 20,51% (giảm 02 đại biểu so với nhiệm kỳ trước); cấp xã 103/375 đại biểu (có 17 nữ), chiếm 27,46%, tăng 04 đại biểu.

Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, đã đưa đi đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành, vị trí việc làm,... cho 1.859 lượt cán bộ, công chức, viên chức, trong đó có 885 nữ, 271 dân tộc Khmer. Đưa vào diện quy hoạch các chức danh chủ chốt, chức danh Trưởng, Phó các phòng, ban, ngành huyện 32 cán bộ, công chức, trong đó có 17 nữ. Đưa đi đào tạo sau đại học 03 cán bộ, công chức, cao cấp lý luận chính trị 03 cán bộ, công chức và 09 cán bộ, công chức học trung cấp lý luận chính trị.

Hệ thống chính trị trong vùng đồng bào dân tộc Khmer từng bước được củng cố và tăng cường theo hướng trong sạch vững mạnh, duy trì chế độ tự phê bình và phê bình trước quần chúng nhân dân, thật sự là cầu nối để Nhân dân tham gia đóng góp xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh. Triển khai thực hiện tốt Chỉ thị 04-CT/TU ngày 08/10/2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*về việc tăng cường công tác phát triển đảng viên là người dân tộc Khmer, Hoa*”, Công văn số 210-CV/TU ngày 02/6/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Trà Vinh “*về việc kết nạp đảng viên là thành viên Ban Quản trị chùa Khmer*”. Kết quả đã kết nạp được 299 đảng viên, nâng tổng số có 5.152 đảng viên toàn huyện, trong đó đảng viên người Khmer 1.079 đảng viên, chiếm 21,35%; đã khắc phục cơ bản tình trạng chi bộ ấp, khóm có đông đồng bào Khmer nhưng không có đảng viên là người Khmer.

Quan tâm đổi mới nội dung, phương pháp dân vận trong vùng đồng bào dân tộc Khmer với phương châm “*chân thành, tích cực, thận trọng, kiên trì, tế nhị, vững chắc*” và phong cách “*trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, có trách nhiệm với dân*”. Thường xuyên củng cố tổ chức hội và phát triển đoàn viên, hội viên theo hướng hiệu quả, thiết thực; thông qua các phong trào thi đua yêu nước đã phát triển 12.784 lượt đoàn viên, hội viên, nâng đến nay có 79.006 lượt đoàn viên, hội viên (trong đó có 26.071 lượt đoàn viên, hội viên người dân tộc Khmer, chiếm 32,99%).

- Số lượng sinh viên tốt nghiệp đại học chưa có việc làm: 258; sinh viên thuộc diện cử tuyển 32 (trong đó có 24 sinh viên có việc làm).

- Công tác nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và giải quyết việc làm cho người lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 60%; giải quyết việc làm mới cho 59.660 lao động, trong đó có 20.045 lao động là người dân tộc Khmer; giải quyết việc làm thông qua xuất khẩu lao động có 98 lao động (Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc,...). Qua đó, đã giải quyết cho vay vốn xuất khẩu lao động được 33 lượt lao động là người dân tộc thiểu số, với số tiền 1.659 triệu đồng.

- Thực hiện nguồn vốn Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn và từ các nguồn vốn của chương trình, dự án khác từ năm 2016 - 2018 đã tổ chức được 259 lớp, có 9.094 lao động được đào tạo; trong đó: đào tạo nghề theo Đề án 1956 là 28 lớp, có 801 lao động, tổng kinh phí đào tạo nghề 1.267 triệu đồng, còn lại đào tạo nghề các chương trình, dự án khác. Số lao động sau học nghề đã có việc làm hoặc tự tạo được việc làm đạt trên 70%.

7. Kết quả thực hiện các chính sách dân tộc

- *Kết quả đạt được:*

+ Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận, Đoàn thể, cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong huyện quán triệt và nhận thức tốt quan điểm về chính sách dân tộc và tổ chức thực hiện chương trình hành động phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào Khmer trong thời gian qua có nhiều chuyển biến tích cực.

+ Kịp thời cụ thể hóa chương trình hành động của Tỉnh ủy, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các xã, thị trấn có đông đồng bào Khmer sát hợp với tình hình thực tiễn của huyện; tham mưu cấp ủy tổ chức hội nghị sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc Khmer giai đoạn 2011 - 2015.

+ Thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo và phân công các cơ quan chuyên môn theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện; kịp thời tổng hợp tình hình, đề xuất bổ sung những giải pháp mới phù hợp trong từng thời gian cụ thể. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm xây dựng báo cáo phối hợp và thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tiếp theo.

+ Trong thực hiện có chọn xã Đa Lộc để làm điểm chỉ đạo, phân công chỉ đạo tạo mô hình, thường xuyên sơ, tổng kết rút kinh nghiệm nhân điển hình.

- *Tồn tại, hạn chế:*

+ Công tác tuyên truyền, triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số từng lúc thiếu kịp thời

+ Kinh tế trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số từng lúc, từng nơi phát triển chưa đồng bộ với mặt bằng chung của huyện; quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ và mang tính tự phát; tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên còn thấp và thiếu ổn định.

+ Các đơn vị, địa phương có xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện Chương trình hành động của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện nhưng nội dung, phương pháp thực hiện một số nơi chưa thật sự sâu sát; từng lúc thiếu kiểm tra, sơ kết, uốn nắn kịp thời; năng lực tổ chức thực hiện của một số cấp ủy, chính quyền chưa cao.

+ Tình hình khiếu kiện, tranh chấp đất đai trong nội bộ thân tộc thường xuyên xảy ra. Tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội từng lúc, từng nơi còn diễn biến phức tạp.

- *Nguyên nhân hạn chế, yếu kém:*

+ Kết cấu hạ tầng tuy được tập trung đầu tư nhưng chưa đồng bộ. Diễn biến bất thường của thời tiết, thiên tai, dịch bệnh làm ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất và đời sống của Nhân dân; thu nhập của một bộ phận Nhân dân trong vùng đồng bào Khmer còn thấp, khả năng tích lũy để tái đầu tư phát triển chưa nhiều.

+ Việc xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện ở một số lĩnh vực chưa sát với tình hình thực tế địa phương và nguồn lực hiện có nên trong thực hiện gặp nhiều khó khăn. Tính chủ động, sáng tạo, tự lực vươn lên của một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong đồng bào Khmer còn hạn chế, còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại.

+ Năng lực dự báo thông tin của các phòng, ban, ngành huyện, xã, thị trấn còn những hạn chế nhất định; một số địa phương chưa có sự quyết liệt trong chỉ đạo

và điều hành, nhất là trong quá trình thực hiện chuyển dịch cơ cấu sản xuất, phát triển kinh tế tập thể, xây dựng nông thôn mới.

III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

1. Mục tiêu chung

- Tập trung phát triển kinh tế - xã hội, phát huy tinh thần đoàn kết bình đẳng các dân tộc, động viên đồng bào nghèo nâng cao hơn nữa ý thức tự lực tự cường, thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững, từng bước rút ngắn khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa các dân tộc và các địa phương trong huyện. Tiếp tục hoàn thành việc đầu tư nhà ở cho hộ nghèo, giải quyết cơ bản về đất ở, từng bước giải quyết đất sản xuất và đào tạo nghề, chuyển đổi nghề cho lao động nông thôn, quan tâm khôi phục và phát triển ngành, nghề tiểu thủ công nghiệp, làng nghề và dịch vụ để giải quyết việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống đồng bào Khmer.

- Thực hiện tốt công tác giáo dục và đào tạo trong vùng đồng bào Khmer, nâng cao trình độ dân trí. Duy trì thực hiện tốt Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; duy trì phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, trung học cơ sở và trung học phổ thông. Tiếp tục duy trì, phát triển việc dạy và học chữ Khmer trong các trường phổ thông; dạy và học Pali, giáo lý trong các chùa Khmer; khuyến khích cán bộ công tác trong vùng đồng bào Khmer học chữ Khmer.

- Chỉ đạo tốt công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân; nâng cao mức hưởng thụ văn hóa, đi đôi với bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào Khmer. Lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện tốt chính sách xã hội đối với người có công.

- Tăng cường đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn huyện, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo an ninh, quốc phòng, chú trọng vùng có đông đồng bào Khmer; gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề bức xúc về xã hội. Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn làm vô hiệu hóa âm mưu, thủ đoạn hoạt động chống phá cách mạng của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền, xuyên tạc lịch sử vùng đất Nam bộ Việt Nam, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

- Tập trung xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở các xã có đông đồng bào Khmer trong sạch, vững mạnh; thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, điều động đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý là người Khmer có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng được yêu cầu công tác trước mắt và lâu dài. Nâng cao vai trò, vị trí của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong việc tham gia thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước.

2. Mục tiêu cụ thể

- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã, 80% ấp, khóm có đường ô tô đến trung tâm được nhựa hóa, bê tông hóa.

- 100% trạm y tế xã được kiên cố hóa, đạt chuẩn y tế quốc gia.

- 100% phòng học được kiên cố hóa, 90% trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia.

- 100% trụ sở xã được xây dựng kiên cố.

- 100% xã có nhà văn hóa, 100% ấp, khóm có nhà sinh hoạt cộng đồng được kiên cố hóa.

- 100% hộ gia đình được sử dụng điện lưới quốc gia.

- 99% hộ gia đình được sử dụng nước hợp vệ sinh.

- Giảm từ 30% - 50% số hộ nghèo, cận nghèo so với số hộ hiện tại.

- 100% hộ dân tộc thiểu số có thẻ bảo hiểm y tế.

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5%.

3. Các giải pháp chủ yếu

3.1. Giải pháp thực hiện trên địa bàn huyện:

- Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả kế hoạch tái cơ cấu kinh tế, trong đó tập trung tái cơ cấu ngành nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng cường liên kết, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới. Mở rộng vùng sản xuất lúa chất lượng cao, cánh đồng lớn, trồng màu, cải tạo đất giồng, vườn tạp, trồng các loại cây ăn trái có hiệu quả kinh tế cao. Đẩy mạnh phát triển ngành chăn nuôi, thủy sản; thực hiện tốt công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật, phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và động vật thủy sản. Xây dựng và phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh của đồng bào dân tộc; nâng cao khả năng cạnh tranh và tiếp cận thị trường. Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội; thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ cho đồng bào dân tộc thiểu số; các chính sách an sinh xã hội và chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác giáo dục và đào tạo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, từng bước nâng mặt bằng dân trí. Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường lớp. Thực hiện nghiêm quy chế và chỉ tiêu hàng năm về tuyển sinh và cử tuyển học sinh là người dân tộc thiểu số, tổ chức các lớp học xóa mù chữ Khmer trong đồng bào Khmer, thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục trung học phổ thông, phổ cập nghề, vận động và tạo điều kiện cho con em đồng bào dân tộc trong độ tuổi được đến trường, nâng cao chất lượng dạy và học của Trường Phổ thông Dân tộc nội trú - Trung học cơ sở, tạo điều kiện cho chú tăng và thanh niên Khmer học song ngữ. Tiếp tục nâng cao hiệu quả phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”; phòng chống và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan và các hủ tục lạc hậu; củng cố, nâng cao chất lượng các ấp, khóm văn hóa, các chùa Khmer đã được công nhận cơ sở thờ tự văn minh để phát huy, nhân rộng. Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện, Trạm truyền thanh các xã, thị trấn tăng cường chương trình tiếp âm tiếng Khmer. Quan tâm phát triển phong trào văn nghệ, thể thao; giữ gìn và phát huy các loại hình văn hóa truyền thống, các di sản văn hóa dân tộc, phong tục tập quán tốt đẹp của đồng bào; khuyến khích việc sưu tầm, sáng tác những tác phẩm văn học, nghệ thuật ca ngợi truyền thống đoàn

kết, phản ánh cuộc sống của đồng bào Khmer trong sự nghiệp xây dựng quê hương, đất nước. Tiếp tục thực hiện tốt chương trình y tế quốc gia, dân số - kế hoạch hóa gia đình, tăng cường bác sĩ về công tác ở vùng có đông đồng bào Khmer, đầu tư trang thiết bị trạm y tế các xã, thị trấn đáp ứng yêu cầu điều trị bệnh cho Nhân dân vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

- Triển khai thực hiện tốt Nghị định số 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ “về công tác dân tộc”; Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư “Về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới”; Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ “về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số”. Hàng năm, chỉ đạo thực hiện tốt công tác bình nghị và công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. Phát huy vai trò của Hội đoàn kết sư sãi yêu nước, nhằm giúp đỡ, vận động đồng bào, chủ trương chấp hành tốt các chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong hoạt động tôn giáo, từ thiện, nhân đạo.

- Quán triệt thực hiện tốt Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc, chủ trương chấp hành nghiêm chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền về Lịch sử vùng đất Nam bộ Việt Nam, các chính sách đối ngoại, Hiệp ước về biên giới được Chính phủ hai nước Việt Nam và Campuchia ký kết; nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật. Triển khai đồng bộ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh. Phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo; kiên quyết đấu tranh ngăn chặn làm vô hiệu hóa âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, không để lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để vu cáo, xuyên tạc, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, làm mất ổn định an ninh chính trị, trật tự xã hội.

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết kịp thời đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân, không để tồn đọng kéo dài, đảm bảo chính xác, đúng quy định của pháp luật; chú trọng công tác hòa giải ở cơ sở.

- Triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị (khóa XII) về *đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*, gắn với nhiệm vụ chính đốn Đảng bằng những việc làm thiết thực, cụ thể, sát với tình hình, yêu cầu và nhiệm vụ chính trị của đơn vị, địa phương. Quan tâm tạo nguồn bồi dưỡng, kết nạp đảng viên người dân tộc Khmer bảo đảm đáp ứng yêu cầu cán bộ kế thừa trước mắt và lâu dài; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ dân tộc một cách hợp lý, chú ý cán bộ trẻ, nữ, có năng lực, có uy tín để đề bạt, bổ nhiệm vào chức danh lãnh đạo, quản lý, khắc phục tình trạng hụt hẫng. Lãnh đạo các đoàn thể không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, phối hợp với chính quyền thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, giáo dục chính trị với chăm lo quyền lợi và đời sống Nhân dân; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Qua các phong trào, tích cực củng cố bộ máy tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ cốt cán là người dân tộc thiểu số, phát triển đoàn viên, hội viên các đoàn thể trong vùng có đông đồng bào dân tộc. Vận động đồng bào thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng; duy trì và phát huy

tốt truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, tiến bộ góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

3.2. Kiến nghị, đề xuất:

- Vốn lồng ghép: Phân bổ kinh phí hỗ trợ và vốn vay đảm bảo cho các hộ được hưởng lợi theo nhu cầu chuyển đổi nghề và hỗ trợ đất sản xuất theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tăng định mức đầu tư vốn xây dựng cơ sở hạ tầng và vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế thuộc Chương trình 135, cụ thể:

+ Vốn xây dựng cơ sở hạ tầng đối với xã đặc biệt khó khăn tăng từ 1.500 triệu đồng đến 2.000 triệu đồng/năm; vốn xây dựng cơ sở hạ tầng đối với ấp, khóm đặc biệt khó khăn 500 triệu đồng/ấp, khóm/năm.

+ Vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế đối với xã đặc biệt khó khăn từ 300 đến 500 triệu đồng/xã/năm; vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế đối với ấp, khóm đặc biệt khó khăn từ 50 đến 100 triệu đồng/ấp, khóm/năm.

3.3. Đề xuất khái toán vốn đầu tư để đạt được mục tiêu cụ thể đề ra trong giai đoạn 2021-2025 và đến 2030:

- Giai đoạn 2021-2025: Ước tổng nguồn vốn 345.000 triệu đồng;

- Giai đoạn 2026-2030: Ước tổng nguồn vốn 379.000 triệu đồng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Dân tộc

Chủ trì, phối hợp với các ngành và xã, thị trấn có liên quan tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc Kết luận số 01-KL/TU ngày 16/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 03 của Tỉnh ủy (khóa IX) "về tiếp tục phát triển toàn diện vùng đồng bào Khmer giai đoạn 2011 - 2015". Triển khai thực hiện tốt chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở và giải quyết việc làm theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020 và các giai đoạn tiếp theo; chính sách về y tế, giáo dục; bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, ... Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách dân tộc; tăng cường giáo dục, hướng dẫn đồng bào, sư sãi Khmer thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thường xuyên nắm tâm tư nguyện vọng, tình hình an ninh chính trị và trật tự trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số để tham mưu Huyện ủy, UBND huyện chỉ đạo kịp thời. Xây dựng kế hoạch tổ chức lễ hội truyền thống hàng năm và định kỳ 5 năm tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Chủ trì, phối hợp với Phòng Dân tộc hướng dẫn bố trí kinh phí hoạt động thường xuyên và sự nghiệp phục vụ cho công tác dân tộc từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định để phát triển toàn diện kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc Khmer, góp phần giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách giữa vùng dân tộc với các vùng khác. Tham mưu UBND huyện phân bổ kinh phí xây dựng cơ bản thực hiện các

chương trình, dự án trong vùng đồng bào dân tộc Khmer; ưu tiên xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi công cộng khác, đặc biệt ưu tiên đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

Tham mưu, đề xuất chỉ đạo thực hiện việc hỗ trợ tiền tàu xe, lễ, tết, kinh phí đào tạo, thực tập theo quy định của Nhà nước trong thời gian khóa học cho cán bộ Khmer, nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ và tin học đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của huyện.

3. Cơ quan Tổ chức - Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Phòng Dân tộc xây dựng kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số từ huyện đến cơ sở và tuyển chọn cán bộ người Khmer có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực và đủ tiêu chuẩn phù hợp quy định của pháp luật, được bổ nhiệm vào các chức danh cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý các cấp. Ở các địa phương vùng dân tộc Khmer và phải bố trí tương xứng với tỷ lệ dân số trên địa bàn; ưu tiên cán bộ nữ, cán bộ trẻ tham gia cấp ủy trong hệ thống chính trị các cấp.

Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn UBND xã, thị trấn quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nguồn lao động là người Khmer tại chỗ. Có chế độ đãi ngộ hợp lý. Xây dựng chính sách thu hút, khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ Khmer học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ và tin học và nhất là đối với bậc sau đại học, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trước mắt và lâu dài.

Phối hợp với UBND xã, thị trấn xem xét, tiếp nhận và phân công công tác phù hợp với ngành nghề đã được đào tạo đối với sinh viên, học sinh người dân tộc Khmer đã tốt nghiệp tại các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp.

4. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Phát triển giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn theo chương trình của quốc gia; xây dựng chương trình giảng dạy ở các cấp học phù hợp với đặc thù vùng dân tộc. Xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia; nâng cao chất lượng dạy và học ở các trường trung học cơ sở.

Thực hiện chính sách miễn, giảm học phí cho học sinh và cấp phát kinh phí hỗ trợ, học bổng kịp thời cho học sinh người dân tộc thiểu số theo quy định.

Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ giáo viên là người dân tộc thiểu số giảng dạy tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; ưu tiên đào tạo giáo viên là người dân tộc thiểu số và giáo viên dạy chữ Khmer để tham gia quản lý và nâng cao chất lượng dạy ngữ văn Khmer.

Đưa tiếng nói, chữ viết và truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc vào chương trình giảng dạy trong các trường trung học cơ sở, trường dân tộc nội trú phù hợp với địa bàn vùng dân tộc thiểu số.

5. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Nghiên cứu xây dựng chương trình đào tạo, hình thức đào tạo đa ngành phù hợp với định hướng phát triển chung của huyện. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực, đào tạo nghề cho lao động dân tộc thiểu số phù hợp với đặc điểm từng vùng, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập.

6. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện quy hoạch trong sản xuất nông - ngư nghiệp, thủy sản và làng nghề truyền thống phù hợp với tập quán sản xuất của đồng bào, chú trọng nâng cao chất lượng các sản phẩm nông nghiệp, ưu tiên phát triển các sản phẩm truyền thống được chế biến từ tre, lát... Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến ngư, giúp cho đồng bào giới thiệu sản phẩm, tiếp cận kiến thức mới, áp dụng vào sản xuất, đạt chất lượng hiệu quả, giảm giá thành, tăng thu nhập và thích ứng với cơ chế thị trường, nâng cao mức sống cho đồng bào. Trong đó cần tập trung đến những mô hình sản xuất có hiệu quả, để giới thiệu và tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số tham quan, học tập kinh nghiệm từ thực tiễn để đáp ứng vào cuộc sống.

Triển khai xây dựng xã nông thôn mới đạt các tiêu chí theo quy định.

Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho đối tượng hưởng lợi, nhất là hộ dân tộc thiểu số.

Tổ chức phòng, chống thiên tai và ứng cứu người dân ở vùng bị thiên tai, triều cường, thực hiện chính sách hỗ trợ kịp thời cho đồng bào dân tộc thiểu số khó khăn để ổn định và phát triển đời sống.

7. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề, sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại chỗ, đảm bảo thu nhập ổn định. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội có liên quan đến đồng bào và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, chương trình giảm nghèo bền vững.

Phối hợp với Phòng nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Dân tộc thực hiện tốt các chương trình, đề án giảm nghèo, giải quyết việc làm, hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nông cụ sản xuất, hỗ trợ phát triển kinh tế... cho hộ dân tộc thiểu số nghèo. Chuyển dịch cơ cấu lao động, ngành nghề theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa và phát triển bền vững.

8. Phòng Kinh tế và Hạ tầng

Tiếp tục phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện tốt chính sách hỗ trợ nhà ở và các chính sách khác có liên quan đến hộ dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện.

Tổ chức khôi phục và phát triển các làng nghề, ngành nghề thủ công truyền thống phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường; ưu tiên hỗ trợ đồng bào phát triển các sản phẩm công nghiệp và dịch vụ. Đồng thời, hỗ trợ hộ dân tộc thiểu số sử dụng điện thắp sáng, sinh hoạt và sản xuất đảm bảo an toàn.

9. Phòng Văn hóa và Thông tin

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 9 (khóa XI) “về xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh ở cộng đồng dân cư, cơ quan, đơn vị. Tiếp tục nâng cao hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Hỗ trợ việc sưu tầm, nghiên cứu, bảo vệ, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào dân tộc thiểu số trong cộng đồng đại gia đình các

dân tộc Việt Nam. Hỗ trợ việc giữ gìn ngôn ngữ và phát triển chữ viết của đồng bào Khmer. Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; giữ gìn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc; xây dựng xã văn hóa - nông thôn mới vùng dân tộc Khmer.

10. Trung tâm Y tế

Đảm bảo đồng bào được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế; xây dựng Trạm Y tế xã đạt chuẩn quốc gia; tăng cường phòng, chống bệnh tật và thực hiện tốt chương trình chăm sóc sức khỏe, chính sách bảo hiểm y tế cho đồng bào theo quy định của pháp luật. Tập trung xây dựng, củng cố, mở rộng cơ sở y tế, khám chữa bệnh cho đồng bào, cư dân Khmer, bảo đảm đủ thuốc phòng và chữa bệnh kịp thời cho đồng bào. Hỗ trợ việc bảo tồn, khai thác, sử dụng những bài thuốc dân gian và phương pháp chữa bệnh cổ truyền có giá trị của đồng bào đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận. Bảo đảm nâng cao chất lượng dân số, phát triển dân số hợp lý theo quy định của pháp luật. Đẩy mạnh xã hội hóa y tế, thực hiện chính sách ưu tiên đối với các tổ chức, cá nhân tham gia vào các hoạt động đầu tư, phát triển y tế ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

11. Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao

Xây dựng, củng cố hệ thống thông tin và tăng cường đưa tin về tình hình tổ chức thực hiện chính sách dân tộc. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nâng cao chất lượng, thời gian phát thanh trên các phương tiện thông tin đại chúng.

12. Phòng Tài nguyên và Môi trường

Sử dụng, khai thác và phát triển nguồn tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái vùng dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật. Tuyên truyền, giáo dục, vận động đồng bào sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên để nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường sinh thái đa dạng sinh học. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để những tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện chính sách dân tộc có liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Tổ chức các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật trong bảo vệ môi trường và bảo tồn tính đa dạng sinh học của tự nhiên trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

13. Phòng Tư pháp

Phối hợp với Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao sử dụng có hiệu quả các phương tiện thông tin đại chúng, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật phù hợp với phong tục tập quán của đồng bào dân tộc. Cung cấp các dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí và tư vấn pháp luật miễn phí cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục đồng bào, cư dân Khmer hiểu về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước để tự giác thực hiện. Đồng thời, giáo dục nâng cao ý thức cảnh giác, tích cực tham gia phòng, chống, góp phần đấu tranh ngăn chặn làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch lợi dụng dân tộc, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trong vùng đồng bào dân tộc.

14. Ngân hàng Chính sách xã hội

Giải ngân kịp thời, đúng đối tượng các nguồn vốn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời, thực hiện tốt việc giải ngân vốn vay cho học sinh, sinh viên có nhu cầu trong thời gian học tập tại các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp; đề xuất chính sách ưu đãi vốn vay đối với đồng bào dân tộc thiểu số để hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh.

15. Công an huyện

Tạo điều kiện thuận lợi để đồng bào dân tộc thiểu số được qua lại các nước có đường biên giới chung để tham gia du lịch, phát triển sản xuất, thăm thân tộc và kiều bào. Tăng cường công tác tuần tra, nắm tình hình an ninh, chính trị và trấn áp tội phạm trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong tình hình mới.

16. Ban Chỉ huy Quân sự huyện

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 28-NQ/TW của Bộ chính trị (khóa X) về tiếp tục xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới; Nghị định 152/2007/NĐ-CP của Chính phủ về “khu vực phòng thủ”.

Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng ở các địa bàn xung yếu vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số gắn với phát triển kinh tế - xã hội, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở vùng dân tộc thiểu số.

17. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

Xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý phù hợp từng đối tượng và địa bàn vùng dân tộc.

Làm chủ đầu tư các dự án, quy hoạch, xây dựng có ảnh hưởng tới đất đai, môi trường sinh thái và cuộc sống của đồng bào các dân tộc, phải công bố công khai và lấy ý kiến của Nhân dân nơi công trình, dự án được quy hoạch, xây dựng; đảm bảo việc đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc khmer; khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, bảo vệ môi trường sinh thái, phát huy tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào.

Người có uy tín ở vùng dân tộc thiểu số được bồi dưỡng, tập huấn, được hưởng chế độ đãi ngộ và các ưu đãi khác để phát huy vai trò trong việc thực hiện chính sách dân tộc ở địa bàn dân cư phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

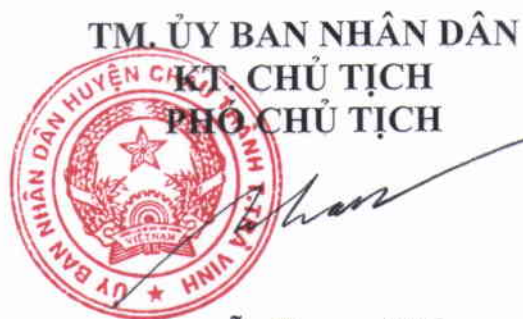
Xây dựng kế hoạch và tổ chức giải quyết dứt điểm các vụ tranh chấp trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn theo quy định của pháp luật, không để kéo dài, gây ảnh hưởng tới tình hình an ninh, tình đoàn kết nội bộ và việc thực hiện chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

Ngoài ra, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện, lãnh đạo UBND các xã, thị trấn cần tập trung phối hợp với các cơ sở Đảng, đảng bộ có liên quan phát triển đảng viên là người dân tộc thiểu số từ nay đến năm 2030 đạt từ 25% trở lên so với tổng số đảng viên chung của huyện.

Trên đây là báo cáo kết quả phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2018 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2021 - 2030 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Trà Vinh;
- TT.HU, TT.HỆND huyện;
- CT và các PCT.UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, NCVX ;
- Lưu: VT. *KĐ*



Nguyễn Trọng Nhân